

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án: số 1164/2023/DS-ST
Ngày: 20/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Huỳnh Tiến Dũng;
2- Ông Chu Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Thủ Đức.

***Đại diện Viện Kiểm sát Nhân Dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên
tòa:*** bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 707/2022/TLST-DS ngày
03/10/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 739/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa
số 1236/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 1258/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 và giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt A).

Địa chỉ: Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Văn Q – Đại diện theo ủy quyền (văn bản
ủy quyền ngày 25/10/2022)(có mặt)

Địa chỉ: Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T – sinh năm: 1993

Địa chỉ: phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và
trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ngân hàng A có cấp thẻ tín
dụng cho ông Nguyễn Minh T theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn
Minh T ký ngày 09/08/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng

của A và các văn bản khác của ông Nguyễn Minh T ký với A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau:

- Số thẻ tín dụng: 4365999000082622
- Ngày cấp: 14/08/2019
- Loại thẻ: Visa signature (Thẻ tín dụng quốc tế)
- Hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng – 36 tháng
- Hiệu lực thẻ: đến tháng 08/2023
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Minh T đã không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 20/09/2021, A đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Nguyễn Minh T.

Ngày 28/03/2022, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 04/11/2022, ông Nguyễn Minh T còn nợ Ngân hàng A các khoản sau:

- Vốn gốc: 118.723.167 đồng; Lãi quá hạn: 36.983.417 đồng; Tổng cộng: 155.706.584 đồng.

Do đó A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Ông Nguyễn Minh T trả ngay cho ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 04/11/2022 là 155.706.584 đồng, trong đó vốn gốc 118.723.167 đồng và lãi quá hạn là 36.983.417 đồng. Ông Nguyễn Minh T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A tính kể từ ngày 05/11/2022 đến ngày trả hết nợ.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Nguyễn Minh T trả tiền nợ gốc 118.723.167 đồng (trong đó hạn mức 100.000.000 đồng, số tiền còn lại là các loại phí, theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A thì các loại phí này tính vào tiền gốc), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 20/4/2023 là 52.037.142 đồng và yêu cầu ông Tâm tiếp tục trả tiền lãi suất tính từ ngày 21/4/2023 cho đến khi trả xong hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ gốc 118.723.167 đồng và tiền lãi quá hạn 52.037.142 đồng, tổng cộng 170.760.309 đồng

(một trăm bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn ba trăm lẻ chín đồng) và ông Tâm tiếp tục trả tiền lãi suất tính từ ngày 21/4/2023 cho đến khi trả xong hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và bị đơn ông Nguyễn Minh T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông Nguyễn Minh T trú tại số 15/1 đường số 1, phường Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 09/08/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Nguyễn Minh T với nội dung Ngân hàng A cấp cho ông T thẻ tín dụng số 4365999000082622, ngày cấp: 14/08/2019 với hạn mức 100.000.000 đồng.

Xét hợp đồng nêu trên về nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật căn cứ theo các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015, nên có hiệu lực thi hành.

[3] Hội đồng xét xử, xét việc nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu thu hồi nợ gốc số tiền 118.723.167 đồng: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 09/08/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và ông Nguyễn Minh T có cơ sở xác định Ngân hàng A cấp cho ông Tâm thẻ tín dụng số 4365999000082622, ngày cấp: 14/08/2019 với hạn mức 100.000.000 đồng. Ông Nguyễn Minh T đã nhiều lần sử dụng thẻ để sử dụng vào mục đích cá nhân nhưng không thanh toán đầy đủ nợ gốc cho ngân hàng do đó có căn cứ buộc ông Nguyễn Minh T thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc là 118.723.167 đồng.

Về tiền lãi suất phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày 20/9/2021 là ngày cuối cùng ông Nguyễn Minh T phải thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng A, tuy nhiên ông T đã không thực hiện việc thanh toán tiền gốc nên đã phát sinh tiền lãi suất, mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 09/08/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng là phù hợp với luật tín dụng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh T thanh toán tiền lãi suất cho Ngân hàng tính đến ngày 20/4/2023 số tiền lãi quá hạn 52.037.142 đồng, và yêu cầu ông Nguyễn Minh T tiếp tục trả tiền lãi suất từ ngày 21/4/2023 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Xét bị đơn ông Nguyễn Minh T trong quá trình tố tụng không đến Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án xét xử vụ án, ông Nguyễn Minh T không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với

yêu cầu của nguyên đơn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Nguyễn Minh T phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, án phí 8.538.015 đồng (tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn không trăm mười lăm đồng).

+ Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 422, Điều 424, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A: Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ gốc 118.723.167 đồng và tiền lãi quá hạn 52.037.142 đồng, tổng cộng 170.760.309 đồng (một trăm bảy mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn ba trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày 21/4/2023, nếu ông Nguyễn Minh T chưa trả tiền, thì ông Nguyễn Minh T phải trả lãi của số tiền gốc chậm trả với mức lãi suất đã thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 09/08/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Minh T phải chịu 8.538.015 đồng (tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn không trăm mười lăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.576.723 đồng (ba triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng),

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 28657 ngày 30/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án;
- VKSND TP.TĐ;
- Chi cục Thi hành án DS TP.TĐ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo